

Bản án số: 251/2023/HN-ST

Ngày: 25-07-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hơn;

2. Bà Bùi Thị Tuyết T;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 25 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1976;

Đăng ký thường trú: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Hiện đang cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải ngày 28/03/2023 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thới, huyện Chợ Lách. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống cũng hạnh phúc, nhưng từ khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Do đó, bà về nhà cha mẹ ruột ở xã Hòa Nghĩa ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa bà và ông T cũng không có giải pháp nào hàn

gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Huỳnh Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn T. Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung*: Có 02 con chung tên Phan T T1, sinh ngày 10/09/1998 và Huỳnh Thị Khả T, sinh ngày 19/07/2005. Hiện hai con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Nợ chung*: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2023 bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn theo như lời trình bày của bà Đ là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Hiện ông và bà Đ đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Ông xác định vẫn còn thương bà Đ và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông không đồng ý ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan T T1, sinh ngày 10/09/1998 và Huỳnh Thị Khả T, sinh ngày 19/07/2005.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Do ông bận nhiều công việc, không có thời gian để đến Tòa án vì vậy ông yêu cầu Tòa án không triệu tập ông nữa và giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc Đ và ông Phan Văn T tự nguyện

kết hôn vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thới, huyện Chợ Lách và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Đ, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Do đó, bà về nhà cha mẹ ruột ở xã Hòa Nghĩa ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa bà và ông T cũng không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết cho bà được ly hôn với ông T; còn ông T xác định vẫn còn thương bà Đ và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T thực tế là có xảy ra và giữa hai đã sống ly thân từ năm 2020. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không thành. Tại phiên tòa bà Đ vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông T là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đ và ông T có 02 con chung tên Phan T T1, sinh ngày 10/09/1998 và Huỳnh Thị Khả T, sinh ngày 19/07/2005 hiện nay đã trưởng thành nên không xét đến.

- Về tài sản chung: Bà Đ và ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Đ và ông T khai không có nên không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Đ phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Ngọc Đ đối với ông Phan Văn T. Cụ thể tuyên:

Bà Huỳnh Ngọc Đ được ly hôn với ông Phan Văn T. Ghi nhận bà Đ không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc Đ và ông Phan Văn T có 02 con chung tên Phan T T1, sinh ngày 10/09/1998 và Huỳnh Thị Khả T, sinh ngày 19/07/2005 đã trưởng thành nên không xét đến

3/- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc Đ và ông Phan Văn T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/- Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc Đ và ông Phan Văn T khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc Đ phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001637 ngày 07/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Ngọc Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phan Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu

